TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **79**/2025/HSST
Ngày: 23/05/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân 1) Ông Lương Văn Thoại

2) Ông Nguyễn Quang Hiển

- ***Thư ký ghi biên bản phiên Tòa****:* Bà Hoàng Huyền Trang –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm - Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 05 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội đã xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 79/2025/HSST, ngày 29 tháng 04 năm 2025, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2025/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 05 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **NVT,** sinh năm 1989 tại H.Y; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi ĐKHKTT: Thôn Đ, xã Đ.T, huyện K, tỉnh H. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông NVT1, sinh năm 1966 và bà TTC, sinh năm 1967; Gia đình có hai anh em, bị cáo là con thứ nhất; Có vợ là: ĐTN, sinh năm 1993 và 02 con (lớn sinh năm 2013, bé sinh năm 2018); Tiền án, tiền sự: Theo danh chỉ bản số 158 lập ngày 28/02/2025 tại Công an huyện Gia Lâm và lý lịch bị can thể hiện bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Bị cáo có mặt)

- Người bị hại:

Anh ĐXH sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn 2, xã K.L (nay là xã K.Đ), huyện G, thành phố H. Có mặt.

Chị NTH2, sinh năm 1977; địa chỉ: thôn 5, xã K.L (nay là xã K.Đ), huyện G, thành phố H. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26/11/2024, anh ĐXH sinh năm 1977, trú tại: thôn 2, xã K.L (nay là xã K.Đ), huyện G, thành phố H gửi đơn đến Công an xã Kim Lan trình báo về việc: NVT làm thuê cho anh H với công việc chở Gas đi giao cho các gia đình sản xuất Gốm sứ ở K.L, huyện G sau đó T đã chiếm đoạt khí Gas và vỏ bình Gas của anh H bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Quá trình điều tra làm rõ: Anh ĐXH là chủ đại lý Gas H.P tại địa chỉ: thôn 2, K.L, huyện G, thành phố H. Từ khoảng tháng 9/2023, anh H thuê NVT làm công việc chuyên chở giao Gas bán cho các gia đình làm gốm và thu gom các vỏ bình Gas, tiền công anh H trả cho T tính theo số lượng bình Gas là 7.000 đồng/1 bình. Trong thời gian làm thuê cho anh H từ tháng 02/2024 đến tháng 6/2024, T đã chiếm đoạt Gas và vỏ bình Gas của anh H mang đi bán lấy tiền tiêu xài, cụ thể:

Ngày 08/02/2024, T mượn của anh H 08 vỏ bình Gas nhãn hiệu Venus, trong đó có 05 vỏ bình Gas còn 18kg khí Gas thừa để T sử dụng vỏ bình đi bơm khí Gas giá rẻ mang đi bán cho các gia đình làm gốm, sau đó do cần tiền tiêu xài nên T đã mang bán 05 vỏ bình Gas bên trong còn 18kg khí Gas được 3.500.000 đồng.

Ngày 22/02/2024, anh H giao cho T 13 bình Gas công nghiệp nhãn hiệu Trường Thành loại 45kg khí Gas/1bình, chở đến cho nhà chị NTHĐ – sinh năm 1975, trú tại thôn 2, K.L, huyện G, thành phố H nhưng sau khi T nhận 13 bình Gas từ anh H thì T không giao 13 bình Gas này cho chị Đ mà T đã mang 13 bình Gas này đi bán cho các nhà lò gốm khác ở K.L với giá 23.000 đồng/kg khí Gas, 01 bình Gas giá 1.035.000 đồng (không tính vỏ bình Gas). Tổng 13 bình Gas T bán được 13.455.000 đồng. Sau đó khoảng 4-5 hôm sau T đến các nhà đã mua Gas và thu lại 13 vỏ bình Gas mang đi bán cho ĐQH1, sinh năm 1978, trú tại: thôn 3 K.L, huyện G, thành phố H với giá 700.000 đồng/1 vỏ bình, tổng cộng được 9.100.000 đồng.

Ngày 25/02/2024, anh H giao cho T đi theo ô tô chở 30 bình Gas nhãn hiệu Trường Thành (loại 45kg khí Gas/bình) giao cho nhà chị NTH2, sinh năm 1977, trú tại thôn 5 K.L, huyện G, thành phố H. T đã giao đủ 30 bình Gas cho chị H2 trong ngày 25/02/2024. Nhưng sau ngày hôm đó, đến chiều ngày 26/02/2024, anh H không bảo T nhưng T đã đến nhà chị H2 và nói dối "anh H bảo T đến lấy lại 15 bình Gas để giao cho nhà khác đang cần, hôm sau T sẽ mang bổ sung trả lại cho chị H2 sau". Chị H2 tưởng thật nên đã đồng ý giao lại 15 bình Gas (loại 45kg khí Gas/bình) cho T. Sau đó T đã mang 15 bình Gas đi bán với giá 23.000 đồng/kg khí Gas được tổng cộng 15.525.000 đồng tiền khí Gas. Sau đó khoảng 4-5 hôm sau T đến các nhà đã mua Ga và thu lại 15 vỏ bình Gas mang bán cho ĐQH1 với giá 700.000 đồng/ 1 vỏ bình. Khi chị H2 gọi điện cho anh H bảo chở nốt Gas cho chị còn thiếu 15 bình để chị H2 thanh toán tiền thì anh H nói "chở đủ 30 bình rồi mà". Lúc đó chị H2 nói T

đã đến chở 15 bình Gas đi thì lúc đó anh H mới biết. Sau đó 1-2 ngày sau, anh H và T đã chở trả chị H2 15 bình Gas, chị H2 đã thanh toán đủ tiền cho anh H.

Ngày 19/6/2024, T được anh H giao nhiệm vụ chở 13 bình Gas (loại 45kg khí Gas/1 bình) đến cho nhà TVT2, sinh năm 1989, trú tại thôn 4, K.L, Gia Lâm, Hà Nội. Sau khi anh T1 nhận 13 bình Gas từ T thì có trả cho T 13 vỏ bình trong đó có 110kg Gas thừa để T mang về cho anh H. Nhưng sau khi T nhận 13 vỏ bình Gas cùng 110kg khí Gas thừa thì T đã mang đi bán cho anh H1 với giá 700.000 đồng/1 bình. Tổng số tiền bán 13 vỏ bình trong đó có cả Gas thừa được 9.100.000 đồng.

Ngoài ra, giữa anh H và T có giao dịch dân sự mua bán Gas với nhau, cụ thể: Khi T làm thuê cho anh H, cuối tháng 1 năm 2024 T có nói với anh H bán lại cho T mấy bình khí Gas để T bán các khí Gas cho các nhà lò và anh H đồng ý. Do T làm thuê cho anh H nên anh H và T không có thỏa thuận với nhau về thời gian thanh toán tiền và trả vỏ bình. Cuối tháng 1/2024 anh H bán cho T 13 bình Gas loại 45kg thì T đã trả tiền 13 bình Gas nhưng chưa trả vỏ. Đến 01/02/2024, anh H bán cho T 9 bình Gas loại 45kg thì T chưa thanh toán tiền và trả vỏ bình cho anh H. Đến 02/02/2024, anh H bán cho T 9 bình Gas loại 45kg thì T đã trả cho anh H 10 vỏ bình, 165kg khí Gas dư và 10 triệu đồng. Ngày 05/02/2024, anh H bán cho T 9 bình Gas loại 45kg sau đó T thu 9 vỏ bình Gas và 95kg Gas dư về trả cho anh H. Tổng cộng anh H đã bán cho T 40 bình Gas loại 45kg/bình. Đến tháng 5/2024 T đã thanh toán xong tiền mua Gas và trả 40 vỏ bình Gas cho anh H.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 24 ngày 24/01/2025 và số 69 ngày 27/02/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Gia Lâm, kết luận: 46 chiếc vỏ bình Gas, loại 45kg khí Gas/bình bằng sắt, nặng khoảng trên 35kg, đã qua sử dụng có giá trị 36.800.000 đồng (800.000 đồng/1 chiếc); 1.388kg khí Gas hóa lỏng có giá trị: 34.700.000 đồng (25.000 đồng/1kg).

Tổng số tài sản bị chiếm đoạt là: **71.500.000 đồng.**

Tại bản cáo trạng số 76/CT-VKSGL ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm đã truy tố bị cáo NVT về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm b khoản 1 điều 175 BLHS và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 BLHS.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo khai nhận hành vi mà bị cáo đã thực hiện như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo đồng ý bồi thường cho người bị hại số tiền còn lại (sau khi đã bồi thường số tiền 30.000.000 đồng) theo kết luận định giá tài sản, nhưng hiện tại chưa thể bồi thường ngay, bị cáo xin được bồi thường dần.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm sau khi tóm tắt nội dung sự việc, đánh giá lời khai của bị cáo tại phiên tòa, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án vẫn giữ

nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như nội dung bản cáo trạng; trình bày lời luận tội và đề nghị như sau:

Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 điều 175; khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự xử phạt NVT từ 26 đến 30 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và 18 đến 22 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt xử bị cáo NVT từ 44 đến 52 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì bị cáo không có thu nhập ổn định.

Về dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự và các Điều 468, 584, 585, 586, 588, 589 Bộ luật Dân sự.

Đối với chị NTH2 là người bị hại trong hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo NVT: Chị H2 xác nhận sau khi NVT chiếm đoạt 15 bình Gas loại 45kg khí Gas/bình thì anh ĐXH đã mang 15 bình Gas cùng loại đến trả cho chị H2 và chị H2 đã thanh toán hết tiền cho anh H. Chị H2 không bị thiệt hại gì vì vậy chị H2 không có yêu cầu hay đề nghị gì và xác định anh H mới là người bị thiệt hại nên để anh H yêu cầu bồi thường là phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của anh H.

Do đó, buộc bị cáo phải bồi thường cho anh ĐXH số tiền 71.500.000 đồng. Xác nhận bị cáo đã bồi thường cho anh H số tiền 30.000.000 đồng, nay bị cáo còn phải bồi thường thêm số tiền 41.500.000 đồng.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo NVT sau khi nghe quan điểm luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản như nội dung bản cáo trạng đã nêu. NVT nhận thức được hành vi đó là sai, vi phạm pháp luật. Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận. Bị cáo đồng ý bồi thường cho anh ĐXH tổng số tiền theo kết luận định giá tài sản là 71.500.000 đồng, bị cáo đã bồi thường 30.000.000 đồng, nay còn phải bồi thường nốt số tiền 41.500.000 đồng nhưng hiện tại chưa thể bồi thường ngay, bị cáo xin được bồi thường dần.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại – anh ĐXH đồng ý với quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát và không có ý kiến gì tranh luận. Về bồi thường dân sự, anh H đồng ý và yêu cầu bị cáo phải bồi thường nốt số tiền 41.500.000 đồng cho anh H. Ngoài ra anh H không có yêu cầu hay đề nghị nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai báo toàn bộ hành vi phạm tội. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Người bị hại là chị NTH2 đã được tống đạt hợp lệ, vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin được xét xử vắng mặt. Sự vắng mặt của chị H2 không ảnh hưởng đến kết quả xét xử. Tòa án xét xử vắng mặt chị H2 theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Về hành vi của bị cáo:

[2.1] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ đã thu thập được, đủ cơ sở kết luận:

Ngày 08/02/2024, tại K.L, huyện G, thành phố H, bị cáo NVT mượn 05 vỏ bình Gas Venus, trong đó có 18 kg khí Gas của anh ĐXH để sử dụng sau đó đã chiếm đoạt mang đi bán.

Ngày 22/02/2024, NVT được anh ĐXH giao 13 bình kèm Gas (loại 45kg khí Gas/bình) để đi bán nhưng sau đó T đã chiếm đoạt 13 bình Gas này của anh H (gồm 13 vỏ bình và 585 kg khí Gas).

Đến ngày 19/6/2024, sau khi được anh TVT2 giao 13 vỏ bình Gas và 110kg khí Gas để mang trả cho anh ĐXH nhưng NVT không mang trả mà đã chiếm đoạt và mang đi bán 13 vỏ bình Gas và 110kg khí Gas của anh H.

Như vậy, với hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản: T đã chiếm đoạt của anh ĐXH tổng số 31 vỏ bình Gas (800.000 đồng/vỏ) và 713kg khí Gas (25.000 đồng/kg) với tổng giá trị là **42.625.000 đồng.**

Ngày 26/02/2024 NVT đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt 15 vỏ bình Gas và 675kg khí Gas của chị NTH2. Như vậy với hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản: T đã chiếm đoạt của chị NTH2 tài sản có tổng giá trị là **28.875.000 đồng.**

[2.2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội ở địa phương.

Bằng thủ đoạn gian dối và lợi dụng sự tin tưởng của người bị hại, bị cáo đã chiếm đoạt số hàng hóa mà người bị hại thuê bị cáo vận chuyển.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội đã truy tố và kết luận bị cáo NVT phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm b khoản 1 Điều 175 BLHS và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của anh ĐXH nhiều lần (vào các ngày 08/02/2024, 22/02/2024, 19/6/2024) do đó bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Khi lượng hình Hội đồng xét xử đã xem xét: Nhân thân bị cáo chưa có tiền án tiền sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã bồi thường một phần cho người bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5].Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đã viện dẫn, Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

Bị cáo không có thu nhập ổn định nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Xử lý vật chứng: Không

[7]. Về dân sự: Xác định chị NTH2 là người bị hại trong hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo NVT, tuy nhiên anh H đã đứng ra chịu trách nhiệm và giao đủ số lượng Gas chị H2 bị T chiếm đoạt, chị H2 cũng đã thanh toán đủ tiền mua Gas của anh H. Bản thân chị H2 không bị thiệt hại gì vì vậy chị H2 không có yêu cầu hay đề nghị gì về việc bồi thường dân sự. Như vậy, anh H mới là người bị thiệt hại nên việc anh H yêu cầu bồi thường là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, buộc bị cáo phải bồi thường cho anh ĐXH số tiền 71.500.000 đồng. Xác nhận bị cáo đã bồi thường cho anh H số tiền 30.000.000 đồng, nay bị cáo còn phải bồi thường thêm số tiền 41.500.000 đồng.

[8] Các vấn đề khác:

Đối với anh ĐQH1 không thừa nhận việc H1 mua các vỏ bình Gas do T bán, ngoài lời khai của T thì không có tài liệu chứng cứ nào khác nên không có căn cứ xử lý H1 theo quy định của pháp luật.

Anh TVT2 khai 13 vỏ bình Gas và 110kg khí Gas thừa mà NVT chiếm đoạt, sau khi sự việc xẩy ra anh ĐXH đã nhận trách nhiệm về số vỏ bình và Gas này nên anh T2 không có đề nghị gì.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo NVT phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

1. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; khoản 1 Điều 174; Điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật hình sự. Áp dụng các Điều 30, 135, 136, 299, 326, 331 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 468, 584, 585, 586, 588, 599 Bộ luật dân sự. Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Luật thi hành án.

Xử phạt: NVT 27 (hai mươi bảy) tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; 15 (mười lăm) tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo NVT phải thi hành 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về dân sự: Buộc bị cáo NVT phải bồi thường cho anh ĐXH số tiền 71.500.000 đồng. Xác nhận bị cáo đã bồi thường số tiền 30.000.000 đồng, nay còn phải bồi thường nốt số tiền còn lại là 41.500.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; 2.075.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo; vắng mặt chị H2, có mặt anh H là người bị hại.

Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
-UBND xã/phường nơi bị cáo cư trú (thay Thông báo KQXX)
- VKSND huyện Gia Lâm;
- TAND Thành phố Hà Nội,
- VKSND TP Hà Nội;
- Phòng quản lý hồ sơ nghiệp vụ Công An TP Hà Nội;
- Chi Cục thi hành án dân sự huyện Gia Lâm
- Công an TP Hà Nội
- Lưu VP,THAHS,HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Ngọc